

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS-ST

Ngày: 19-10-2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Bà **Huỳnh Phương Lan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Ngày 19 tháng 09 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2018/TLST- DS, ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐST-DS, ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Mộng Th**, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Phước N, xã Mong Th, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Hồng T**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Bà **Lê Thu Ng**, sinh năm 1972 (Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Phước Ch, xã Mong Th, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

Bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-8-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Mộng Thu trình bày: Nguyên vào ngày 13-02-2017 AL ông Lê Hồng T và vợ là Lê Thu Ng có đến nhà tôi yêu cầu tôi cho ông T, bà Ng vay số tiền gốc 40.000.000đ, với lãi suất 4%/tháng. Do chỗ quen biết nên tôi đã cho vợ chồng ông T, bà Ng vay, khi vay tiền của tôi thì ông T, bà Ng hẹn 02 tháng sẽ trả cho tôi số tiền gốc và lãi. Nhưng từ khi vay đến nay

ông T, bà Ng vẫn không trả số tiền gốc 40.000.000đ và lãi suất theo thỏa thuận.

Tôi đã nhiều lần đến nhà ông T, bà Ng để yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng ông T, bà Ng hên lần hên lựa mà không trả- nên tôi có yêu cầu Ban lãnh đạo ấp Phước Ch hòa giải nhưng không thành.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hồng T và vợ là bà Lê Thu Ng trả cho tôi số tiền gốc 40.000.000đ trả một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Mộng Th có yêu cầu : buộc ông Lê Hồng T và vợ là bà Lê Thu Ng trả cho bà số tiền gốc 40.000.000đ trả một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Hồng T: Nguyên vào ngày 13-02-2017 AL vợ chồng tôi có hỏi vay của bà Bùi Mộng Th số tiền gốc 40.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 4%/ tháng, thời gian vay là khoảng 3-4 tháng sẽ đủ gốc và lãi, mục đích vay tiền là để chăn nuôi heo. Trong quá trình vay đã đóng lãi hàng tháng. Sau đó do nuôi heo bị chết nên không còn khả năng trả lại số tiền gốc và lãi cho bà Th được nữa.

Vợ chồng tôi thừa nhận hiện nay còn nợ bà Bùi Mộng Th số tiền gốc 40.000.000đ. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả trong thời hạn 8 tháng (trả đủ 01 lần).

Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Hồng T có yêu cầu : Thừa nhận hiện nay còn nợ bà Bùi Mộng Th số tiền gốc 40.000.000đ. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả trong thời hạn 8 tháng (trả đủ 01 lần).

- Bị đơn bà Lê Thu Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt đã trình bày : Vợ chồng tôi thừa nhận hiện nay còn nợ bà Bùi Mộng Th số tiền gốc 40.000.000đ. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả trong thời hạn 8 tháng (trả đủ 01 lần).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 20-8-2018 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn bà Bùi Mộng Th đã được Tòa án thụ lý vào ngày 22-8-2018 là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Th theo

quy định Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Mộng Th về việc yêu cầu ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng thanh toán cho bà số tiền vay gốc là 40.000.000đ, không yêu cầu tính lãi – HĐXX xác nhận định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Bị đơn bà Lê Thu Ng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn - Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà Lê Thu Ng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Mộng Th yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng thanh toán cho bà số tiền vay gốc là 40.000.000đ, trả một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi

Còn bị đơn ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng thừa nhận hiện nay còn nợ bà Bùi Mộng Th số tiền gốc 40.000.000đ. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả trong thời hạn 8 tháng (trả đủ 01 lần).

Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối chiếu với các điều luật mà pháp luật quy định cùng lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cho thấy việc bà Bùi Mộng Th yêu cầu ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng thanh toán số tiền vay gốc 40.000.000đ, trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Còn ông T, bà Ng thừa nhận hiện nay còn nợ bà Bùi Mộng Th số tiền gốc 40.000.000đ chấp nhận trả số tiền nợ trên cho bà Th nhưng xin được trả trong thời hạn 8 tháng. Bà Th không chấp nhận cho ông T, bà Ng trong thời hạn 08 tháng. Do đó việc bà Th yêu cầu ông T, bà Ng trả số tiền 40.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Bà Th không yêu cầu tính lãi suất và ông T, bà Ng cũng không yêu cầu tính lại phần tiền lãi đã trả cho bà Th nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu trả nợ theo thời gian và trả dần của các đương sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào Điều 463 và điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Mộng Th; buộc ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Bùi Mộng Th số tiền vay gốc 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

[3] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho bà Th là : 40.000.000đồng x 5% = 2.000.000đồng.

Bà Bùi Mộng Th không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà Bùi Mộng Th số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0006655, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Mộng Th về việc “ *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* ” đối với bị đơn ông Lê Hồng T Và bà Lê Thu Ng.

2- Buộc ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Bùi Mộng Th số tiền vay gốc 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà Ng không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho bà Th khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Hồng T và bà Lê Thu Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Bà Bùi Mộng Th không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà Bùi Mộng Th số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0006655, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Th.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng